

MẪU ĐỀ TRONG CA DAO

NGUYỄN THỊ THU HÀ

TÓM TẮT

Tìm hiểu kết cấu ca dao dưới góc độ các mẫu đề phù hợp với đặc trưng của văn học dân gian và đặc trưng thể loại, có ý nghĩa trong việc gợi ý con đường, phương pháp đến với cái hay, cái đẹp rất riêng của ca dao. Mỗi mẫu đề có những công thức của nó. Để xác định mẫu đề trong ca dao, bài viết tập hợp những bài ca dao gần gũi, có chung nội dung, chủ đề và nhiều công thức truyền thống giống nhau vào một nhóm và coi đó là một mẫu đề để nghiên cứu.

Mẫu đề (motif) được ghi lần đầu trong *Từ điển âm nhạc* (1703) của S. Brossard (1655-1730). Goether đưa khái niệm này vào tác phẩm *Về thi ca tự sự và thi ca kịch nghệ* (1797). Đầu thế kỷ XX, Vêxêlôpxki nghiên cứu mẫu đề và xem mẫu đề như là yếu tố không thể phân chia nhỏ hơn của văn bản, ngôn bản. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, mẫu đề là tiếng Hán-Việt (do người Trung Quốc phiên âm từ chữ motif trong tiếng Pháp) có nghĩa là chủ đề, đề tài; còn được coi là “khuôn”, “kiểu”, “dạng” “nhằm chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật, nhất là trong văn học dân gian” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên, 1992, tr. 136). Trong ca dao và thơ trữ tình, phạm vi

mẫu đề được bộc lộ rõ và xác định, vì thế việc nghiên cứu mẫu đề thể hiện sự độc đáo trong ý thức nghệ thuật của người sáng tác. “Motif gắn với thế giới tư tưởng và xúc cảm của tác giả một cách trực tiếp hơn so với các thành tố khác của hình thức nghệ thuật, nhưng khác với các thành tố ấy, motif không mang tính hình tượng độc lập, không mang tính toàn vẹn thẩm mỹ; chỉ trong quá trình phân tích cụ thể sự vận động của motif, chỉ trong việc soi tỏ tính bền vững và tính cá thể ở sự hàm nghĩa của nó, nó mới có được ý nghĩa và giá trị nghệ thuật” (Nhiều tác giả, 1985, tập 1).

Việc tìm hiểu kết cấu ca dao dưới góc độ các mẫu đề, các công thức truyền thống phù hợp với đặc trưng của văn học dân gian, đặc trưng thể loại và do đó, có ý nghĩa quan trọng, gợi ý con đường, phương pháp đến với những cái hay, cái đẹp rất riêng của ca dao. Các công thức truyền thống vừa bền vững, vừa không ngừng biến đổi ở chi tiết và ở sự liên kết khi tham gia vào các mẫu đề khác nhau hoặc trong các bài ca dao khác nhau. Mỗi mẫu đề có những công thức của nó. Một bài ca dao có thể chỉ có một mẫu đề, nhưng cũng có bài ca dao gồm hai hoặc ba mẫu đề, trong đó có mẫu đề chính và phụ.

1. CÁCH TÌM VÀ XÁC ĐỊNH MẪU ĐỀ TRONG CA DAO

Nguyễn Hằng Phương nghiên cứu *Cảm hứng chủ đạo trong ca dao người Việt*, đã khảo sát 300 lời ca dao cổ truyền về đề tài

Nguyễn Thị Thu Hà. Tiến sĩ. Học viện Hành chính (Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh).

tình yêu đã đưa ra 8 chủ đề: tình yêu say đắm bất chấp mọi khó khăn trở ngại: 45 lời (chiếm 15%); tình yêu tan vỡ vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan: 27 lời (chiếm 9%); tình yêu chân thực, giản dị nhưng vô cùng đẹp đẽ, nên thơ: 103 lời (chiếm 34,33%); nhớ nhung, thổn thức trong tình yêu: 108 lời (chiếm 36%); sự giận hờn, trách cứ trong tình yêu: 16 lời (chiếm 5,33%); đừng bỏ lỡ cơ hội yêu: 5 lời (chiếm 1,66%); vẻ đẹp lý tưởng của người yêu và tình yêu: 2 lời (chiếm 0,66%)” (Nguồn: “Diễn đàn ca dao-tục ngữ”).

Việc phân chia 300 lời ca dao thành 8 chủ đề trong khảo sát của Nguyễn Hằng Phương có ý nghĩa đối với việc tìm hiểu cảm hứng chủ đạo trong ca dao người Việt, song chưa có ý nghĩa nhiều đối với việc tìm hiểu các mẫu đề và các công thức truyền thống tạo nên cấu trúc các mẫu đề của ca dao. Để tìm hiểu các mẫu đề và các công thức truyền thống, cách tiếp cận của chúng tôi là tập hợp thành nhóm, thành hệ thống nhỏ những bài ca dao không chỉ giống nhau về đề tài, chủ đề mà cả về hình thức thể hiện qua các công thức truyền thống. Sau khi đã tập hợp các bài ca như vậy vào một mẫu đề, chúng tôi đặt tên theo một số cách.

Cách thứ nhất: Lấy ý nghĩa khái quát chung của nhóm lời ca để đặt tên cho mẫu đề. Các bài ca dao vốn không có tên. Người đời sau lấy ý nghĩa khái quát chung để đặt tên cho lời ca dao. Mẫu đề cũng thế, có thể đặt tên dựa vào ý nghĩa khái quát chung của nhóm bài ca. Ví dụ: mẫu đề “ước muốn-hóa thân”, “chí làm trai”, “lời thề”, “mười thương” (hay “mười yêu”, “mười lo”), mẫu đề “nói ngược”,...

Cách thứ hai: Lấy cặp từ đối lập cũng là cặp từ thể hiện những đối lập chính, đối lập cơ bản trong nội dung thể hiện của bài ca. Ví dụ: Mẫu đề “nhiều tiền-hết tiền”. “Nhiều tiền lắm chị nhiều anh/Hết tiền ai biết là danh phận gì”; “Nhiều tiền lắm mẹ nhiều cha/Hết tiền nghèo khó chẳng ma nào nhìn”; “Nhiều tiền quần lượt áo là/Hết tiền áo rách vá ba bốn lần”. Hoặc mẫu đề “Còn duyên hết duyên”. “Còn duyên anh cưới ba heo/Hết duyên anh cưới con mèo cụt đuôi”. “Còn duyên kén cá chọn canh/Hết duyên róc đực, cua kênh cũng vợ”; “Còn duyên còn cuộc, còn khao/Hết duyên bị gậy ra vào cổng kho/Còn duyên chữa nói đã cười/Hết duyên gọi chín mười lời chả thừa.

Cách thứ ba: Lấy dòng thơ đầu mang ý nghĩa khái quát chung cho cả bài để đặt tên cho mẫu đề. Ví dụ: Mẫu đề “Bao giờ cho đến tháng ba” (hoặc “Bao giờ cho đến tháng mười”), mẫu đề “Trên rừng ba mươi sáu thứ chim”,...

Cách thứ tư: Lấy nhóm chữ đầu của bài ca kết hợp với ý nghĩa vừa khái quát vừa cụ thể của những bài ca trong nhóm (có chung hình thức, nội dung) để đặt tên cho mẫu đề. Ví dụ: Mẫu đề “Đôi ta là một đôi như đã định”, mẫu đề “Đôi ta không thỏa nguyện”,...

Trong kho tàng ca dao phong phú của người Việt, tập hợp những bài ca có cùng hình thức và nội dung thể hiện vào một mẫu đề đã khó, đặt tên cho mỗi mẫu đề lại càng khó hơn. Những phân tích của chúng tôi chỉ là những gợi ý để tiếp tục nghiên cứu.

2. NHẬN DẠNG CÔNG THỨC TRUYỀN THỐNG ĐỂ TÌM HIỂU MẪU ĐỀ

Ca dao đa dạng về nội dung, hình thức. Do đó, để xác định được công thức truyền thống thì phải dựa vào nhiều yếu tố.

Sự lặp đi lặp lại ngôn ngữ

Dựa vào các từ, nhóm từ giống (gần giống) nhau lặp đi lặp lại trên các dòng của các lời ca dao khác nhau như: “Ai đi...”, “Ai về...”, “Ai về nhẩn...”, “Ai xui...”, “Miếng trầu”, “Chiều chiều...”,... để nhận dạng công thức truyền thống.

Ví dụ:

“Ai về giã gạo ba giăng/Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm”, “Ai về Giồng Dừa qua tròng/Gió day bông sợi, bỏ buồn cho em”, “Ai về Hà Tĩnh thì về/Mặc lụa chợ Hạ, uống nước chè Hương Sơn/Ai về Hà Thủy xứ Duồng/Cho tôi nhẩn gửi một nguồn thơ duyên”, “Ai về Hậu Lộc Phú Điền/Nhớ đây bà Triệu trận tiền xung phong” hay “Ai về nhẩn họ Hi Hòa/Nhuận năm sao chẳng nhuận vài trống canh”, “Ai về nhẩn hỏi cô Ba/Năm nay mười tám hay là đôi mươi?”.

Sự lặp đi lặp lại của các dòng thơ giống (gần giống) nhau

- Lặp lại dòng “Ai kêu... bên sông”

“Ai kêu ai hú bên sông/Tôi đang nấu nước cho chồng tôi ăn”, “Ai kêu ai hú bên sông?/Tôi đang sấm sửa cho chồng xuống ghe”, “Ai kêu léo nhéo bên sông/Tôi đương vá áo cho chồng tôi đây”.

- Lặp lại dòng “Ai về em (tôi) gửi...”

“Ai về em gửi bức thư/Hỏi người bạn cũ, bây giờ nơi nao”, “Ai về tôi gửi bức thư/Cô Tám ở lại, cô Tư lấy chồng”, “Ai về em gửi bức tranh/Có con chim sáo đậu nhánh lan chi”, “Ai về tôi gửi buồng cau/Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy”, “Ai về tôi gửi đôi giày/Phòng khi mưa gió để thầy mẹ

đi”.

- Lặp lại dòng “Bắc thang lên hỏi ông...”

“Bắc thang lên hỏi ông Trời/Cửa chàng cho thiệp liệu đòi được chăng?”, “Bắc thang lên hỏi ông Trăng/Cửa chàng cho thiệp nói năng thế nào?”, “Bắc thang lên hỏi ông Trời/Những tiền cho gái có đòi được không”.

- Lặp lại dòng “Bấy lâu vắng mặt khát khao”

“Bấy lâu vắng mặt khát khao/Bây giờ thấy mặt muốn cào mặt ra”, “Bấy lâu vắng mặt khát khao/Bây giờ thấy mặt muốn trao lạng vàng”, “Bấy lâu vắng mặt khát khao/Bây giờ thấy mặt tính sao hỏi tình”, “Bấy lâu vắng mặt khát khao/Giờ đây thấy mặt mừng sao hỏi mừng”.

- Lặp lại dòng “Chiều chiều ra đứng bờ...”

“Chiều chiều ra đứng bờ ao/Nước kia không khát, khát khao duyên chàng”, “Chiều chiều ra đứng bờ ao/Tay vin cành quế, tay trao lạng vàng”, “Chiều chiều ra đứng bờ biển/Nhện giăng tơ đóng, cảm phiền thương em”, “Chiều chiều ra đứng bờ sông/Hỏi thăm chú lái, nào chồng em đâu”.

- Lặp lại dòng “Chim bay về núi...”

“Chim bay về núi tang tình/Ai ơi có nhớ nghĩa tình này không”, “Chim bay về núi tang tình/Ai ơi có nhớ nghĩa tình nữa không?”, “Chim bay về núi tối rồi/Anh ra trước ngõ, anh ngồi chờ em”, “Chim bay về núi tối rồi/Không cây chim đậu, không mời chim ăn”, “Chim bay về núi tối rồi/Em không lo liệu còn ngồi chi đây”.

- Lặp lại dòng “Chồng giận thì vợ...”

“Chồng giận thì vợ bớt lời/Cơm sôi lửa nhỏ một đời không khê”, “Chồng giận thì vợ bớt lời/Chồng giận, vợ giận thì dùi nó quăng”,

“Chồng giận thì vợ làm lành/Miệng cười
hơn hờ rắng: Anh giận gì”.

- Lặp lại dòng “Chơi hoa cho biết mùi hoa”

“Chơi hoa cho biết mùi hoa/Cầm chân cho
biết cân già cân non”, “Chơi hoa cho biết
mùi hoa/Hoa lê thì trắng, hoa cà thì xanh”,
“Chơi hoa cho biết mùi hoa/Khi tươi thì hái,
khi tàn thì quăng”, “Chơi hoa cho biết mùi
hoa/Thứ nhất hoa lý, thứ ba hoa lái”.

- Lặp lại dòng “Có trăng em (tình) phụ ánh
đèn”

“Có trăng em phụ ánh đèn/Có chồng em
phụ bạn quen không chào”, “Có trăng tình
phụ bóng đèn/Ba mươi mồng một khôn tìm
thấy trăng”, “Có lá lốt phụ xương sông/Có
chùa bên bắc, miếu bên đông để tàn”, “Có
trăng tình phụ bóng đèn/Ba mươi mồng
một, đi tìm lấy trăng”.

- Lặp lại dòng “Có trâu mà chẳng có...”

“Có trâu mà chẳng có cau/Làm sao cho đỡ
môi nhau thì làm”, “Có trâu mà chẳng có
vôi/Có anh mà chẳng có tôi cũng buồn”,
“Có trâu mà chẳng có vôi/Có chăn có chiếu
chẳng ai nằm cùng”.

- Lặp lại dòng “Con chim nho nhỏ”

“Con chim nho nhỏ/Cái lông nó đỏ/Cái mỏ
nó vàng/Nó kêu người ở trong làng/Đừng
tham lãnh lụa phũ phàng vải bô”, “Con
chim nho nhỏ cái mỏ hấn vàng/Hấn đứng
trước cửa tam quan hấn kêu hỏi bác lính
khố vàng/Chớ có ham nơi giàu sang sắc
mắc mà phụ phàng duyên em”, “Con chim
nho nhỏ/Cái mỏ xanh xanh/Nó đậu trên
cành/Nó kêu anh Sáu hỡi”.

- Lặp lại dòng “Làm trai cho đáng...”

“Làm trai cho đáng làm trai/ Ăn cơm với vợ
lại nài vét niêu/Sống chết thời ông cũng
liều/Ông quyết không để cái niêu phần

mày”, “Làm trai cho đáng nên trai/Véo dĩa
cho dài, ăn vụng cơm con”, “Làm trai cho
đáng sức trai/Khom lưng chống gỏi gánh
hai hạt vừng”.

Các khuôn kết cấu

Kết cấu của nhóm các bài ca dao đã tạo
nên những khuôn mẫu cố định. Đây cũng
là hình thức lặp lại. Các khuôn này vừa
công thức vừa rất đa dạng. Chẳng hạn như:

-*Khuôn*: “Nước... vừa trong vừa mát/
Đường... lắm cát dễ đi”, người đọc (người
nghe) đều cảm nhận được sự biểu đạt của
mẫu đề “Địa danh, phong cảnh, sản vật địa
phương”, thể hiện niềm tự hào về một địa
danh nào đó. Vì thế, để giới thiệu về nơi
mình sinh sống, người sáng tác thường
dựa vào khuôn mẫu và dĩ nhiên địa danh
được thay đổi để phù hợp với từng vùng,
miền. Ở Hà Bắc, người dân tự hào với
những đặc trưng: “Nước Thổ Hà vừa trong
vừa mát/Đường Vạn Vân lắm cát dễ đi”.
Thanh Hóa thì hãnh diện với: “Nước Trịnh
Thôn vừa trong vừa mát/Đường Trịnh
Thôn lắm cát dễ đi”. Còn người Nghệ An
thì không thể quên: “Nước Ngọc Sơn vừa
trong vừa mát/Đường Nam Giang lắm cát
dễ đi”. Ca dao vùng đất Quảng lại là:
“Giếng Bình Đào vừa trong vừa
mát/Đường Bình Đào lắm cát dễ đi/Em ơi
má thắm làm chi/Để anh thương nhớ mấy
con trăng ni không về...”.

Cách sáng tác dựa vào cái khuôn có sẵn
là cách sáng tác truyền miệng phổ biến.
Dù sáng tác theo khuôn nhưng lời ca dao
vẫn phù hợp vì nghĩa thay đổi theo từng
vùng, theo thời gian và thời đại. Dù sáng
tác theo khuôn nhưng lời ca dao vẫn hay,
bởi tình cảm của người sáng tác được
lồng vào đó – khuôn chuẩn được tất cả

- *Khuôn* “... ai đắp mà cao/Sông... ai bới ai đào mà sâu?”

“Núi kia ai đắp mà cao/Sông kia ai bới ai đào mà sâu?”; “Non Hồng ai đắp mà cao/Sông Lam ai bới ai đào mà sâu?”; “Lũy Thầy ai đắp mà cao/Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu?”; “Núi Truồi ai đắp mà cao/Sông Dinh ai bới ai đào mà sâu?”; “Núi Trường ai đắp mà cao/Lạch Vích ai đào nước chảy thành vung”.

- *Khuôn* “Chẳng... cũng thể...”

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài/Chẳng lịch cũng thể là người Thượng Kinh”, “Chẳng thơm cũng thể hương đàn/Chẳng trong cũng nước trong nguồn chảy ra”, “Chẳng thơm cũng thể hương đàn/Chẳng ngọt cũng thể nước sông Hàn chảy ra.

- *Khuôn* “Chẳng tham... Tham vì (về)...”

“Chẳng tham nhà ngói rung rinh/Tham vì một nổi anh xinh miệng cười”, “Chẳng tham ruộng cả ao tiền/Tham về một nổi người hiền rậm râu /Chẳng tham ruộng cả ao sâu/Tham về một nổi rậm râu mà hiền”, “Chẳng tham ruộng cả ao liền/Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ”.

- *Khuôn* “Chẳng thương chẳng nhớ thì... Lại còn đem đổ nước...”

“Chẳng thương chẳng nhớ thì đừng/Lại còn đem đổ nước gừng cho cay”, “Chẳng thương chẳng nhớ thì thôi/Lại còn đem đổ nước vôi cho nồng”.

- *Khuôn* “Thấy... thì nhớ.../Thấy... thì thương...”

“Thấy dừa thì nhớ Bến Tre/Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười”, hay “Thấy dừa

thì nhớ Bến Tre/Thấy bông lúa đẹp thương về Cần Thơ”.

- *Khuôn* “Chim khôn chưa bắt đã bay/Gái (người) khôn...”

“Chim khôn chưa bắt đã bay/Gái khôn chưa bớ đến tay đã hờn”, “Chim khôn chưa bắt đã bay/Người khôn chưa nắm lấy tay đã cười”, “Chim khôn chưa bắt đã bay/Người khôn chưa nói dang tay đỡ lời”.

- *Khuôn* “Chim khôn đậu nóc nhà quan/Trai khôn tìm vợ...”

“Chim khôn đậu nóc nhà quan/Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng”, Chim khôn mắc phải lưới hồng/Ai mà gỡ được đèn công lạng vàng”.

- *Khuôn* “còn duyên... hết duyên...”

“Còn duyên anh cưới ba heo/Hết duyên anh cưới con mèo cụt đuôi”, “Còn duyên anh cưới ba heo/Hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi/Còn duyên kẻ đón người đưa/Hết duyên đi sớm về trưa mặc long/Còn duyên yếm thắm dài đào/Hết duyên vú đét thợ rào vô đê”, “Còn duyên buôn cây bán hồng/Hết duyên buôn mít cho chồng nhạt xơ”.

- *Khuôn* “Chồng già vợ trẻ là.../Vợ già chồng trẻ là...”

“Chồng già vợ trẻ là duyên/Vợ già chồng trẻ là tiền vớt đi”, “Chồng già vợ trẻ là tiền/Vợ già chồng trẻ là duyên nợ nần”, “Chồng già vợ trẻ mới xinh/Vợ già chồng trẻ như hình chị em”, “Chồng già vợ trẻ nâng niu/Chồng trẻ vợ trẻ nhiều điều đáng cay”, “Chồng già vợ trẻ như hoa/Vợ già chồng trẻ như ma lạc mồ”.

- *Khuôn* “Chưa chồng... /Chồng rồi (Có chồng)...”

“Chưa chồng chơi đám chơi đu/Chồng rồi chẳng dám ngao du chốn nào”, “Chưa

chồng đẩy đẩy che che/Có chồng giao cả thuyền bè cho ai”, “Chưa chồng đi dọc đi ngang/Có chồng, cứ thẳng một đường mà đi”, “Chưa chồng thì liệu đi nghe/Để bác mẹ liệu thì huê em tàn”.

- *Khuôn* “Có cô thì chợ cũng đông/Cô đi lấy chồng...”

“Có cô thì chợ cũng đông/Cô đi lấy chồng thì chợ cũng vui”, “Có cô thì chợ cũng đông/Cô đi lấy chồng thì chợ cũng qua”, “Có cô thì dựng cũng già/Vắng cô thì dựng cũng qua một thì”, “Có cô thì chợ cũng đông/Không cô chợ cũng chẳng không phiên nào”.

Khuôn so sánh: có hai loại so sánh tương đồng và so sánh tuyệt đối.

Khuôn so sánh tương đồng thường biểu hiện qua ba kết cấu.

- “...nào (mơ) cao (đẹp, khôn,...) bằng...”

- “...nào sâu (giỏi, dữ, bảnh,...) bằng...”

“Cầu nào cao bằng cầu Cái Cối/Gái nào giỏi bằng gái Bến Tre”, “Đèn nào cao bằng đèn Thủ Ngữ/Gió nào dữ bằng gió Đồng Nai”, “Trai nào khôn bằng trai Cao Lãnh/Gái nào bảnh bằng gái Ba Tri”, “Cầu mơ cao bằng cầu danh vọng/Nghĩa mơ nặng bằng nghĩa chồng con”, “Đèo mô cao bằng đèo cây Cốc/Dốc mô cao bằng dốc Mỹ Cang”.

- A như B (A và B là con người, sự vật, sự việc,...)

Ca dao rất hay sử dụng khuôn so sánh “A như B”. Chỉ riêng các bài ca dao theo mẫu đề thân phận phụ nữ đã có sự so sánh sinh động. Trong ca dao Bắc Bộ, “Thân em” thường được so sánh với những hình ảnh: “tắm lụa đào”, “hạt mưa sa”, “hạt mưa rào”, “giếng giữa đường”,... (“Thân em như

tắm lụa đào/Dám đâu xé lẻ vương nào cho ai”; “Thân em như hạt mưa rào/Hạt rơi xuống giếng hạt vào vườn hoa”; “Thân em như giếng giữa đường/Kẻ khôn rửa mặt người phàm rửa chân”,...). Trong ca dao Trung Bộ, “Thân em” được so sánh với: “cá lội tranh mồi”, “chiếc thuyền bé”, “nước sông”, “bức tượng treo trong”, “ngôi sao”, “hạt cau khô” (“Thân em như cá lội tranh mồi/Em tìm nơi sông lớn, vịnh bồi ẩn thân”; “Thân em như chiếc thuyền be (bé)/Chín e gió ngược, thêm dè sóng xao”, “Thân em như bức tượng treo trong/Thân anh như ông thợ vẽ tạc tấm lòng em ra”. Còn ở ca dao Nam Bộ là những hình ảnh: “trái bần trôi”, “cá rô mè”... - những hình ảnh gắn bó với ruộng vườn, sông nước, kênh rạch,... (“Thân em như trái bần trôi/Sóng dập gió dồi, biết tấp vào đâu”, “Thân em như cá rô mè/Lao xao buổi chợ biết về tay ai?”,...). Cùng một đối tượng, người ta có thể so sánh với nhiều hình ảnh khác nhau qua sự liên tưởng, phát hiện đầy sáng tạo của tác giả dân gian. Điều này góp phần tạo nên sự đa dạng trong cách phô diễn của ca dao các miền. Nội dung - tư tưởng bị ca dao chi phối kết cấu. Nội dung có sự so sánh thì kết cấu của nó cũng là kết cấu so sánh.

Khuôn so sánh tuyệt đối

Khuôn so sánh tuyệt đối (nhất) trong ca dao truyền thống rất linh động, đa dạng, thường là:

A + nhất + A' (A và A' là địa danh)

Ví dụ:

“Xứ Nam nhất chợ Bằng Gôi/Xứ Bắc Vân Khám, xứ Đoài Hương Canh”.

Tính từ + nhất + là + A (A là địa danh)

“Vui nhất là chợ Đồng Xuân/Thứ gì cũng có,

xa gần bán mua”, “Sâu nhất là sông Bạch Đằng/Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan/Cao nhất là núi Lam Sơn/Có ông Lê Lợi trong ngàn tiến ra”.

Cũng có khi đảo lại:

Ví dụ:

Nhất + tính từ + là + A (A là địa danh)

(“Nhất cao là núi Tản Viên/Nhất sâu là vũng Thủy Tiên cửa Vương”, “Nhất cao là núi Chóp Chài/Nhất rộng là bể, nhất dài là sông”, “Nhất cao là núi Đan Nê/Nhất đông chợ Bản, nhất vui chợ Chùa”, “Nhất cao là núi Tản Viên/Anh còn vượt được lọ duyên cô mình”, “Nhất cao là núi Tản Viên/Nhất lịch, nhất sắc là Tiên trên trời”.

Có khi chỉ đơn giản xếp hạng:

Thứ nhất... /Thứ hai (nhì)...

“Thứ nhất bà chúa Thanh Hoa/Thứ nhì bà Bồi, thứ ba Thạch Sùng”, “Thứ nhất gần mẹ gần cha/Thứ nhì gần giếng, thứ ba gần đình”, “Thứ nhất sợ kẻ anh hùng/Thứ nhì sợ kẻ bần cùng liều thân”, “Thứ nhất vợ dại trong nhà, thứ hai trâu chậm thứ ba dao cùn”.

Nếu như ca dao truyền thống có khuôn so sánh tuyệt đối đa dạng và linh động thì ca dao mới (ra đời sau 1945) thường có khuôn so sánh rất chuẩn, vì tác giả khi sáng tác vừa dựa vào ca dao truyền thống vừa dựa vào kiến thức ngôn ngữ học.

Khuôn như sau:

- *Dòng đầu: Địa danh A + tính từ so sánh nhất (“đẹp nhất”, “cao nhất”, “sâu nhất”, “dài nhất”,...) + x (phong cảnh, sản vật, con người,...). Có thể quy thành khuôn sau:*

A đẹp (cao, sâu, dài,...) nhất + x

- *Dòng tiếp theo: Địa danh B sóng đôi cùng địa danh A, có khuôn:*

B đẹp (cao, sâu, dài,...) nhất + x’

Ví dụ: “*Tháp Mười đẹp nhất bông sen/Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*”.

Các dòng ca dao theo khuôn so sánh thường sóng đôi với nhau, tạo sự so sánh bằng giữa các dòng.

Trong các lời ca dao có nội dung so sánh, khi dòng đầu đưa ra hình ảnh so sánh, dòng tiếp theo thường là sự miêu tả bổ sung cho hình ảnh so sánh đó. Các hình ảnh so sánh phong phú, một phần do tác giả dân gian luôn tìm trong truyền thống cách nói phù hợp, mới mẻ; một phần là kết quả của sự quan sát thiên nhiên, của trí tuệ, tâm hồn, tính cách, nếp nghĩ, thói quen và cách nói tạo nên.

Tùy theo mẫu đề, mỗi dòng ca dao thể hiện một hoặc hai công thức. Cũng có khi, mấy dòng ca dao mới là một công thức. Các công thức trong mẫu đề được gọi tên theo một trong hai cách sau.

- *Cách thứ nhất:* đặt tên công thức dựa vào các từ (nhóm từ) hay dạng mở đầu ca dao. Các từ (nhóm từ) hay dạng mở đầu ca dao được lặp đi lặp lại trong các nhóm bài ca.

- *Cách thứ hai:* đặt tên công thức theo hình thức thể hiện nội dung dòng ca dao.

Những biến đổi sinh động của các công thức truyền thống cho thấy ca dao không ngừng biến đổi về chất và lượng, theo thời gian và không gian. Có thể xây dựng từ điển các mẫu đề, từ điển các công thức truyền thống của kho tàng ca dao Việt Nam, giúp ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy thể loại này. Tiếc rằng công việc này chúng ta thực hiện còn ít. Trong bài viết

(Xem tiếp trang 61)

(Tiếp theo trang 52)

này chỉ trình bày một số vấn đề lý luận và một số ví dụ tiêu biểu với mong muốn sẽ được nhiều người cùng tiếp tục quan tâm nghiên cứu. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Mạnh Nhị, Hồ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Diệp. 2002. *Văn học dân gian - Những công trình nghiên cứu*. TPHCM: Nxb. Giáo dục.
2. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá. 2004. *Từ điển văn*

học. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

3. Hà Minh Đức. 2008. *Lý luận văn học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

4. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên). 1992. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

5. Nhiều tác giả. 1985. *Từ điển văn học*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

6. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật, Phan Đăng Tài, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang. 2000. *Kho tàng ca dao người Việt (2 tập)*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.